TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2026/HS-ST
Ngày 15 tháng 6 năm 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – HƯNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phan Thị Bích Thuỷ

Các hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Quang Hiên và ông Trần Văn Khanh.

Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Tươi - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 4 – Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Hưng Yên tham gia phiên toà: bà Phạm Thị Phượng - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 11 và 15 tháng 6 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4- Hưng Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 73/2026/HSST ngày 06 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2026/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 04 năm 2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1989 tại Quảng Ninh; nơi cư trú: Thôn H, xã L, tỉnh Hưng Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; T: Không; giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ văn hoá: 12/12; con ông Nguyễn Ngọc H và bà Bùi Thị L; có vợ và 03 con; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 26/12/2021 bị Công an huyện V (cũ), tỉnh Hưng Yên xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Xâm hại đến sức khỏe của người khác", bằng hình thức phạt tiền, mức phạt: 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng). Đảo đã chấp hành xong hình phạt trên (nộp tiền ngày 08/6/2026); Nhân thân: Ngày 13/9/2016 bị Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xử phạt 02 năm tù giam về tội "Gây rối trật tự công cộng". Ngày 28/10/2017 chấp hành xong toàn bộ bản án (Đã được xoá án tích); Ngày 28/9/2020 bị Công an huyện V (cũ), tỉnh Hưng Yên xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Xâm hại đến sức khỏe của người khác", mức phạt 2.500.000đ *(hai triệu năm trăm nghìn đồng)*. Ngày 12/11/2020, chấp hành xong việc nộp tiền phạt.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan**: Phạm Văn H1, sinh năm 1999; Địa chỉ: Thôn N, xã H, tỉnh Hưng Yên; Anh Lê Văn T, sinh năm 1992; Địa chỉ: thôn Đ, xã Y, tỉnh Hưng Yên. Vắng mặt.

Chị Phan Thị H2, sinh năm 1989; địa chỉ: thôn H, xã L, tỉnh Hưng Yên (có mặt).

Ngân hàng TMCP V

Địa chỉ: Khu công nghiệp P, xã N, tỉnh Hưng Yên.

*** Người làm chứng**:

Anh Lê Văn G, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn I, xã N, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

Anh Nguyễn Sĩ T1, sinh năm 1982; địa chỉ: Khu K, phường V, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt.

Anh Nguyễn Minh T2, sinh năm 1991; địa chỉ: Xóm T, xã V, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt.

Anh Phạm Văn L1, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn V, xã N, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

Anh Phạm Văn D, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn H, xã N, tỉnh Hưng Yên. Vắng mặt.

Bà Bùi Thị L, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn H, xã L, tỉnh Hưng Yên. Vắng mặt.

Chị Phạm Thị N, sinh năm 1977; địa chỉ: Số A, tổ B Khu tập thể V thông tin, phường C, TP Hà Nội. Vắng mặt.

Anh Trần Ngọc L2, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ dân phố L, xã B, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.

Anh Phạm Văn Đ1, sinh năm 1974; địa chỉ: Số A, tổ B Khu tập thể V thông tin, phường C, TP Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Ngọc Đ là Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn T4 có địa chỉ tại thôn H, xã L, tỉnh Hưng Yên, ngành nghề kinh doanh chính là: Buôn bán nguyên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan....Công ty không có chức năng vận chuyển và xử lý chất thải.

Do quen biết anh Vũ Văn D1, sinh năm 1984 ở thôn H, xã N, tỉnh Hưng Yên là nhân viên Công ty cổ phần X có địa chỉ tại số H, ngõ B phố C, phường C, thành phố Hà Nội, anh D1 được công ty giao làm giám sát việc vận chuyển đất công trình mà công ty anh D1 đang thi công tại tòa nhà B khu đô thị V thuộc xã G, thành phố Hà Nội. Thấy đất thải của công trình nhiều nên Đ nảy sinh ý định xin anh D1 đất thải tại công trình về đổ tại khu vực hành lang đường ĐT380 trước khu vực dự án xã L thuộc địa phận thôn H, xã L, tỉnh Hưng Yên để sử dụng sau. Khi hỏi xin đất anh D1, Đ nói xin để trồng cây, anh D1 có trao đổi đây là đất công trình không phù hợp với việc trồng cây nhưng Đ bảo bản thân biết quy trình xử lý đất, trước khi trồng cây sẽ xử lý đất để phù hợp với việc trồng cây rồi mới đưa vào sử dụng, nghe Đ nói vậy nên anh D1 đã đồng ý cho.

Ngày 03/11/2025, Đ được anh D1 cho chất thải dạng đất, cát, gạch, màu đen - vàng tại công trình xây dựng khu đô thị V thuộc xã G, thành phố Hà Nội. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, Đ bảo anh Lê Văn G là tổ trưởng tổ lái xe Công ty TNHH T4 sắp xếp xe đến nhận đất để chở về đổ tại khu vực hành lang đường ĐT380 gần trụ sở Công ty TNHH T4, thì anh G đồng ý. Đảo phân công các anh Nguyễn Sỹ T3, Phạm Văn L1, Nguyễn Minh T2 đều là nhân viên lái xe vận tải thuộc công ty T4, điều khiển 04 xe ô tô tải ben loại 4 chân, nhãn hiệu HOWO gồm: 01 xe ô tô BKS 89C-324.18; 01 xe ô tô BKS 89A-743.52; 01 xe ô tô BKS 89A- 771.73 và 01 xe ô tô BKS 89C-342.03. Khoảng 14 giờ 10 phút cùng ngày các anh G, T3, L1 và T2 điều khiển 04 xe ô tô từ công ty T4 đến công trình xây dựng tại khu đô thị V thuộc xã G để vận chuyển đất thải. Quá trình vận chuyển các anh T3, G, L1 và T2 đã vận chuyển được 08 chuyến, mỗi chuyến chở từ 25 tấn đến 30 tấn chất thải, số chất thải vận chuyển đều được đổ xuống khu vực hành lang giao thông đường ĐT 380 thuộc thửa đất số 420, tờ bản đồ địa chính số 2, thôn H, xã L. Sau khi vận chuyển được 08 xe thì Đ bảo các anh T3, G, L1 và T2 điều khiển xe về công ty của Đ gần đó để cất xe và về nhà để nghỉ.

Khoảng 7 giờ ngày 07/11/2025, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh H nhận được tin báo của quần chúng nhân dân về việc: Tại khu vực đất hành lang đường ĐT380 trước khu vực dự án xã L thuộc địa phận thôn H, xã L, Nguyễn Ngọc Đ đã cho người đổ chất thải dạng đất, cát, gạch, màu đen - vàng ra đó (đổ không đúng nơi quy định). Sau khi nhận được tin báo, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh H đã phối hợp với Ủy ban nhân dân xã L và Công an xã L tiến hành kiểm tra phát hiện nên đã lập biên bản vụ việc.

Cùng ngày 07/11/2025 Cơ quan CSĐT Công an tỉnh H đã phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 tiến hành khám nghiệm hiện trường, kết quả khám nghiệm thể hiện: Hiện trường nơi xảy ra vụ việc là hành lang đường ĐT380, trước khu vực dự án xã L thuộc thửa đất số 420, tờ bản đồ địa chính số 2 thôn H, xã L, tỉnh Hưng Yên. Quá trình khám nghiệm phát hiện tại hiện trưởng có các đống chất thải dạng đất, cát, gạch, màu đen - vàng được trải dài 110m không đồng đều, điểm rộng nhất 15m (một phần chất thải đổ ra đường ĐT380), điểm cao nhất 2,5m. Quá trình khám nghiệm đã thu 04 mẫu chất thải được lấy lần lượt tại bốn vị trí khác nhau, các mẫu thu giữ được đựng trong túi nilong dán kín niêm phong ký hiệu M1, M2, M3, M4 để trong thùng cattong (niêm phong theo quy định). Đồng thời tiến hành thu gom toàn bộ chất thải dạng đất, cát, gạch, màu đen - vàng tại hiện trường được tổng khối lượng là 210.310kg, số chất thải trên được bảo quản tại kho lưu trữ chất thải của Công ty TNHH N1 (là Công ty có chức năng lưu giữ, xử lý các loại chất thải nguy hại và chất thải rắn thông thường) tại thôn Đ, xã L, tỉnh Hưng Yên và niêm phong theo quy định.

Ngày 18/11/2025, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh H ra Quyết định trưng cầu giám định các mẫu ký hiệu M1, M2, M3, M4 thu tại hiện trường để xác định là loại

chất thải gì, có chứa thành phần nguy hại hay không?. Tại bản Kết luận giám định số 8780/KL-KTHS ngày 28/11/2025 của V1 - Bộ C kết luận:

"- Các mẫu chất thải ký hiệu M1, M2, M3, M4 gửi giám định đều không phải là chất thải nguy hại. Căn cứ khoản 6, Điều 3, Nghị Định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường thì các mẫu chất thải ký hiệu M1, M2, M3, M4 đều là chất thải rắn thông thường.

Mẫu cần giám định đã sử dụng hết để thực hiện việc giám định nên không hoàn lại".

Ngày 18/11/2025, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh H ra Quyết định trưng cầu giám định V2 giám định đối với các mẫu chất thải thu giữ tại hiện trường ký hiệu M1, M2, M3, M4 và ra Quyết định trưng cầu giám định bổ sung số A3566 ngày 29/12/2025 để xác định độ ẩm của chất thải là bao nhiêu %; xác định tổng khối lượng khô của chất thải (sau khi đã bù trừ độ ẩm toàn phần) theo tổng khối lượng đã cân là 210.310kg. Tại bản Kết luận giám định bổ sung số 1048/KL-KTHS ngày 31/12/2025 của V2 khọc Công nghệ Năng lượng và Môi trường thuộc V2 kết luận:

TT	**Thông số**	**Đơn vị**	**Phương pháp thử**	**Kết quả**			
				02S2511.105	02S2511.106	02S2511.107	02S2511.108
1	Độ ẩm	%	TCVN 6648:2000	7.64	24.84	16.02	30.6
2	Khối lượng khô	Kg	-	194.245	176.614	179.663	145.946
3	Trung bình của khối lượng khô (4 mẫu)	Kg	-	168.719			

Như vậy, tổng khối lượng chất thải mà bị can Nguyễn Ngọc Đ đã đổ ra môi trường sau khi bù trừ độ ẩm 30,6% (cao nhất) có tổng khối lượng là: **145.946kg** *(Một trăm bốn mươi lăm nghìn chín trăm bốn mươi sáu ki lô gam).*

Nguyễn Ngọc Đ xác định vị trí đổ chất thải là thửa đất số 420, tờ bản đồ địa chính số 2, diện tích: 1226,8 m2, tỷ lệ 1:2000 tại thôn H, xã L, tỉnh Hưng Yên là đất canh tác nông nghiệp, vị trí thửa đất không được phép tập kết, chôn lấp chất thải.''

Quá trình điều tra xác định: Đối với 04 chiếc xe ô tô mà Đ sử dụng vào việc phạm tội thì có 01 chiếc xe ô tô màu nâu, BKS 89C-342.03 và xe ô tô màu xanh, BKS 89A-771.73 thuộc sở hữu của anh Phạm Văn H1, sinh năm 1999 ở thôn N, xã H, tỉnh Hưng Yên. Đảo thuê 02 xe ô tô trên của anh H1, thời hạn từ ngày 09/8/2025 đến ngày 09/11/2025 để vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng. Anh H1 và Đ có lập

hợp đồng thuê xe với nhau, anh H1 bàn giao 02 xe ô tô cùng các giấy tờ liên quan cho Đ sử dụng. Đến ngày 05/11/2025, Đ đã trả xe ô tô cùng giấy tờ liên quan cho anh H1. Ngày 06/01/2026, anh H1 đã giao nộp 02 chiếc xe ô tô cùng giấy tờ liên quan cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H. Anh H1 không biết Đ sử dụng xe vào việc phạm tội nên ngày 14/02/2026 Cơ quan điều tra đã trả lại 02 chiếc xe ô tô trên cho anh H1. Anh H1 đã nhận lại tài sản không yêu cầu, đề nghị gì.

01 chiếc xe ô tô màu xanh, BKS 89A-743.52 thuộc sở hữu của anh Lê Văn T, sinh năm 1992 ở thôn Đ, xã Y, tỉnh Hưng Yên. Đảo thuê xe ô tô của anh T, thời gian từ ngày 10/8/2025 đến ngày 10/11/2025 để vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, hai bên có lập hợp đồng thuê xe với nhau, anh T đã bàn giao chiếc xe ô tô cùng các giấy tờ liên quan cho Đ sử dụng. Đến ngày 05/11/2025 Đ đã trả lại chiếc xe ô tô trên, cùng giấy tờ liên quan cho anh T. Anh T cũng không biết Đ sử dụng xe vào việc phạm tội nên tự nguyện giao nộp chiếc xe ô tô trên cùng giấy tờ liên quan cho Cơ quan Cảnh sát điều tra. Ngày 14/02/2026 Cơ quan điều tra đã trả lại xe ô tô trên cho anh T. Anh T đã nhận lại xe cùng giấy tờ liên quan và không có yêu cầu, đề nghị gì.

Còn chiếc xe ô tô màu xanh, BKS: 89C-324.18 qua điều tra xác định, chiếc xe ô tô nêu trên thuộc sở hữu của Đ. Cơ quan điều tra đã tiến hành tra cứu không nằm trong dữ liệu xe vật chứng và đã nhập kho vật chứng Công an tỉnh H (khu vực M) để chờ xử lý sau theo quy định.

Đối với vật chứng là 145.946kg *(Một trăm bốn mươi lăm nghìn chín trăm bốn mươi sáu ki lô gam)* chất thải rắn thông thường đã thu giữ, hiện Cơ quan điều tra đã bảo quản tại kho lưu trữ chất thải của Công ty TNHH N1, địa chỉ: thôn Đ, xã L, tỉnh Hưng Yên và niêm phong chờ xử lý sau theo quy định.

Đối với Công ty TNHH T4 là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (chủ sở hữu là bà Bùi Thị L, sinh năm 1962 ở thôn H, xã L, tỉnh Hưng Yên). Người đại diện theo pháp luật là Nguyễn Ngọc Đ (chức danh- Giám đốc). Việc Đ cho người vận chuyển, đổ chất thải rắn thông thường xuống đường hành lang ĐT380 là việc của riêng cá nhân Đảo, không phải chủ trương, kế hoạch hay hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH T4. Đảo không báo cáo, không xin ý kiến và không được sự chấp thuận của chủ sở hữu công ty. Bà Bùi Thị L hoàn toàn không biết, không chỉ đạo, không phê duyệt và không hưởng lợi gì từ việc này. Do vậy, không có căn cứ xử lý Công ty trách nhiệm của Công ty TNHH T4.

Đối với Công ty cổ phần X, người đại diện theo pháp luật là bà Phạm Thị N, sinh năm 1977 tại số A, tổ B, khu tập thể V, phường C, thành phố Hà Nội. Công ty Cổ phần X có trách nhiệm thi công đào đất móng công trình toà nhà B5-CT02 thuộc khu đô thị V thuộc xã G, thành phố Hà Nội và vận chuyển số đất thải phát sinh đến địa điểm đổ thải, xử lý chất thải ở khu đất 6,5ha nút giao cao tốc P - Cầu G, phường Y, thành phố Hà Nội để xử lý theo quy định. Quá trình thi công, Công ty cổ phần X giao cho anh Vũ Văn D1 có trách nhiệm giám sát việc vận chuyển đất đào móng tại công trình khu đô thị G B5-CT02 đến đúnng nơi cần xử lý. Ngày 03/11/2025, anh

D1 đã tự ý cho Đ 08 xe ô tô đất thải phát sinh từ quá trình thi công tại công trình, việc này cá nhân anh D1 tự ý thực hiện công ty không biết, không được hưởng lợi gì. Do vậy, không có căn cứ xem xét xử lý trách nhiệm đối với Công ty cổ phần X.

Đối với anh Vũ Văn D1 được giao trách nhiệm giám sát vận chuyển đất đào móng tại công trình B5-CT02 khu đô thị V thuộc xã G. Ngày 03/11/2025 Đ hỏi xin anh Vũ Văn D1 08 chuyến đất đào móng tại công trình để mang về nhà trồng cây. Đảo chỉ nói với anh D1 xin đất về trồng cây chứ không biết sẽ đổ trái phép ra môi trường. Bị can Đ không trao đổi với anh D1 về địa điểm tập kết hoặc xử lý số đất sau khi vận chuyển khỏi công trình. Anh Duy không bàn bạc, không thống nhất, không được hưởng lợi gì. Do đó, không có căn cứ xác định anh Vũ Văn D1 có vai trò đồng phạm với bị can Nguyễn Ngọc Đ nên Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với anh Vũ Văn D1. Tuy nhiên anh D1 đã có hành vi cho chất thải rắn thông thường cho người khác không có chức năng xử lý theo quy định nên hành vi của anh D1 đã vi phạm quy định tại điểm n, khoản 8 Điều 26 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Do địa điểm xảy ra tại xã G, thành phố Hà Nội. Ngày 07/3/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H có Công văn số: A413/CV-CSKT đề nghị Công an xã G, thành phố Hà Nội xem xét, xử lý theo thẩm quyền.

Đối với số chất thải mà cơ quan điều tra đã thu giữ của Đ, quá trình điều tra xác định số đất này là chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình thi công công trình Khu đô thị G thuộc địa phận xã G, thành phố Hà Nội. Công ty TNHH T5 và Công ty cổ phần X xác định số đất đào phát sinh trong quá trình thi công công trình Khu đô thị G không phải là tài sản được quản lý để khai thác, kinh doanh, mà chỉ là chất thải rắn xây dựng phát sinh từ hoạt động thi công, cần được vận chuyển đến địa điểm xử lý theo quy định về bảo vệ môi trường, không tái sử dụng và không đem lại lợi ích cho Công ty nên không yêu cầu, đề nghị gì.

Đối với các anh Nguyễn Sỹ T3, Phạm Văn L1, Nguyễn Minh T2, Lê Văn G (đều là lái xe làm thuê cho Đ) đã điều khiển 04 xe ô tô đến công trình Khu đô thị G vận chuyển đất đào móng công trình về đổ tại khu đất hành lang đường ĐT 380 thôn H, xã L, tỉnh Hưng Yên. Qua điều tra xác định các anh T3, L1, T2, G không biết việc đổ thải ra môi trường của Đ là trái pháp luật nên không xem xét xử lý.

Tại bản cáo trạng số: 08/CT - VKSKV4 ngày 31/03/2026 của VKSND Khu Vực 4-Hưng Yên truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc Đ về tội “Gây ô nhiễm môi trường" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 235 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà: Bị cáo Nguyễn Ngọc Đ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Hưng Yên như sau:

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc Đ phạm tội " Gây ô nhiễm môi trường".

Áp dụng: Điểm g Khoản 1 Điều 235; Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Đ số tiền từ 150.000.000đ đến 200.000.000đ, nộp một lần sung Ngân sách Nhà nước.

Về hình phạt bổ sung: Do đã áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điểm a, c Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Ngọc Đ 01 chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu CNHTC màu xanh, biển số 89C-324.18.

Đối với vật chứng là 145.946 kg *(Một trăm bốn mươi lăm nghìn chín trăm bốn mươi sáu ki lô gam)* chất thải rắn thông thường đã thu giữ, hiện Cơ quan điều tra đã bảo quản tại kho lưu trữ chất thải của Công ty TNHH N1 cần tịch thu cho tiêu hủy.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an tỉnh H, Điều tra viên, Viện kiểm sát khu vực 4 - Hưng Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo Đ tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Khoảng 14 giờ 10 phút ngày 03/11/2025, tại khu vực hành lang đường ĐT380, thuộc thửa đất số 420, tờ bản đồ địa chính số 02 thuộc địa phận thôn H, xã L, tỉnh Hưng Yên. Nguyễn Ngọc Đ đã có hành vi đổ trái phép ra môi trường tổng khối lượng 145.946kg *(Một trăm bốn mươi lăm nghìn chín trăm bốn mươi sáu ki lô gam)* chất thải rắn thông thường, sau đó thì bị phát hiện. Hành vi của bị cáo đã vi phạm quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật Bảo vệ Môi trường.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc thu gom, vận chuyển và đổ chất thải phải thực hiện đúng địa điểm, đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Tuy nhiên vì mục đích cá nhân bị cáo vẫn cố ý thực hiện đổ chất thải không đúng nơi quy định với số lượng tương đối nhiều. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về bảo vệ môi trường, gây nguy cơ ảnh hưởng xấu đến môi trường và trật tự quản lý hành chính trong lĩnh của Nhà nước. Do đó Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Hưng Yên truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc Đ về tội "Gây ô nhiễm môi trường" theo quy định tại Điểm g khoản 1 Điều 235 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Bị cáo có nhân thân xấu, đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "cố ý gây thương tích"; Bị Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xử phạt 02 năm tù giam về tội "Gây rối trật tự công cộng" và có 01 tiền sự. Mặc dù đây không phải là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng thể hiện bị cáo có nhân thân không tốt, ý thức chấp hành pháp luật chưa cao nên sẽ xem xét khi quyết định hình phạt.

Tuy nhiên cũng xét thấy quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả (tự nguyện chi trả toàn bộ chi phí xử lý đối với số chất thải, bị cáo đã ký hợp đồng và tạm ứng số tiền 150.000.000 đồng để xử lý chất thải); bị cáo có đơn xin cải tạo tại địa phương được chính quyền địa phương xác nhận; Bị cáo có ông nội là ông Nguyễn Ngọc M được Chủ tịch nước C1 tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhì vì đã có thành tích tham gia kháng chiến chống Mỹ nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đồng thời, tội "Gây ô nhiễm môi trường" theo khoản 1 Điều 235 Bộ luật Hình sự có quy định loại hình phạt chính độc lập là phạt tiền. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy việc áp dụng hình phạt chính là Phạt tiền với mức phạt nghiêm khắc là hoàn toàn phù hợp.

[5] Hình phạt bổ sung: Do HĐXX đã áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự; Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với vật chứng là 145.946kg *(Một trăm bốn mươi lăm nghìn chín trăm bốn mươi sáu ki lô gam)* chất thải rắn thông thường đã thu giữ, hiện Cơ quan điều tra đã bảo quản tại kho lưu trữ chất thải của Công ty TNHH N1 cần tịch thu cho tiêu hủy.

Đối với 01 chiếc xe ô tô màu xanh, BKS: 89C-324.18 là phương tiện bị cáo Nguyễn Ngọc Đ sử dụng để thực hiện hành vi chở chất thải đổ không đúng nơi quy định. Quá trình điều tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa xác định chiếc xe nêu trên thuộc sở hữu của bị cáo Đ, bị cáo đang thế chấp tại Ngân hàng thương mại cổ phần V, địa chỉ khu công nghiệp P, xã N, tỉnh Hưng Yên cho khoản vay số tiền 500.000.000đ. Theo thỏa thuận thế chấp hợp pháp giữa hai bên, phía Ngân hàng chỉ

quản lý, nắm giữ Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô để bảo đảm nghĩa vụ dân sự, còn bị cáo Nguyễn Ngọc Đ vẫn được quyền trực tiếp quản lý và sử dụng chiếc xe. Ngân hàng thương mại Cổ phần V hoàn toàn không biết và không thể kiểm soát việc bị cáo tự ý sử dụng phương tiện này vào mục đích phạm tội. Quan điểm của Ngân hàng đề nghị Tòa án trả lại chiếc xe ô ô cho bị cáo Đ để tiếp tục đảm bảo cho khoản vay mà bị cáo đang thế chấp xe tại Ngân hàng. Bị cáo Đ có ý kiến đề nghị xin lại xe ô tô để đảm bảo cho khoản vay thế chấp với Ngân hàng. Do đó sẽ trả lại xe ô tô BKS: 89C-324.18 cho Ngân hàng thương mại cổ phần V.

Đối với hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy vụ án có tính chất giáo dục, cải tạo bằng kinh tế là chủ yếu, loại hình phạt chính được lựa chọn áp dụng là Phạt tiền. Chiếc xe ô tô tải biển kiểm soát 89C-342.03 là tài sản có giá trị lớn, đồng thời là phương tiện sinh kế, công cụ kinh doanh hợp pháp tạo ra thu nhập cho bị cáo, từ đó đảm bảo nguồn tài chính để bị cáo thi hành án phạt tiền cũng như thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với ngân hàng. Do đó, để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của bên thứ ba ngay tình (Ngân hàng nhận thế chấp) theo quy định tại Điều 133 Bộ luật Dân sự, đồng thời tạo điều kiện cho bị cáo có phương tiện lao động để chấp hành tốt hình phạt chính, Hội đồng xét xử thấy cần trả lại chiếc xe ô tô tải biển kiểm soát 89C-342.03 cho bị cáo Nguyễn Ngọc Đ tiếp tục quản lý, sử dụng.

Bị cáo Nguyễn Ngọc Đ có trách nhiệm tiếp tục thực hiện đúng nghĩa vụ bảo đảm, quản lý tài sản thế chấp theo hợp đồng tín dụng đã ký kết và quy định của pháp luật dân sự với ngân hàng.

[7]. Về các nội dung khác:

Đối với anh Vũ Văn D1 là người được giao giám sát việc vận chuyển đất móng tại công trình, khi bị cáo Nguyễn Ngọc Đ xin đất thải về trồng cây, anh D1 đã đồng ý giao 08 xe đất. Quá trình điều tra xác định anh D1 không bàn bạc, không biết bị cáo Đ sẽ đem đất đi đổ trái phép để gây ô nhiễm môi trường và không được hưởng lợi ích vật chất. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý hình sự đối với anh Vũ Văn D1 về vai trò đồng phạm là có căn cứ. Đối với hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường của anh D1, Cơ quan điều tra đã có văn bản chuyển cho cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính là đúng quy định.

Đối với các lái xe (Nguyễn Sỹ T3, Phạm Văn L1, Nguyễn Minh T2, Lê Văn G): Là những người làm thuê, thực hiện việc điều khiển xe ô tô vận chuyển chất thải theo sự sắp xếp, chỉ đạo của bị cáo Nguyễn Ngọc Đ. Các tài xế này hoàn toàn không biết khối lượng chất thải trên là trái pháp luật và không biết địa điểm đổ là hành lang giao thông đường bộ trái quy định. Do đó, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với các cá nhân nêu trên là phù hợp.

Đối với Công ty TNHH T4: Mặc dù bị cáo Nguyễn Ngọc Đ là Giám đốc, tuy nhiên việc đổ chất thải rắn này là hành vi cá nhân của Đ nhằm mục đích riêng, không có trong chủ trương, kế hoạch hay quyết định của Hội đồng thành viên công ty và

công ty không được hưởng lợi. Do đó, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại là đúng quy định của pháp luật.

[8]. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Ngọc Đ phạm tội "Gây ô nhiễm môi trường".

Áp dụng Đ2 g Khoản 1 Điều 235; Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự; Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Đ số tiền: 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) nộp một lần sung Ngân sách Nhà nước.

2. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự; Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Ngọc Đ 01 chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu CNHTC màu xanh, biển số 89C-324.18.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí Hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận :
- TAND Tỉnh Hưng Yên ;
- VKSND Tỉnh Hưng Yên ;
- VKSND Khu vực 4 – Hưng Yên ;
- Cơ quan CSĐT – CAT. Hưng Yên ;
- Phòng HSNV – CAT. Hưng Yên ;
- THADS tỉnh Hưng Yên ;
- Trại tạm giam số 01 – CAT. Hưng Yên ;
- Bị cáo; Người có qlnvla
- Lưu : HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phan Thị Bích Thuỷ